

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỘI ĐỒNG THI THĂNG HẠNG  
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
GIẢNG VIÊN CAO CẤP (HẠNG I)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Số: 03 /BGDDĐT-HĐTTH  
V/v triệu tập viên chức dự thi thăng hạng  
CDNN giảng viên cao cấp (hạng I)  
năm 2023

Kính gửi: ..Các Đơn vị có tên tại Danh sách kèm theo.....

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP<sup>1</sup>, Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT<sup>2</sup>,  
Thông tư số 06/2020/TT-BNV<sup>3</sup>;

Căn cứ Kế hoạch số 279/KH-BGDĐT ngày 06/3/2023 của Bộ trưởng Bộ  
Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp  
(CDNN) giảng viên cao cấp (hạng I)/giảng viên CĐSP cao cấp (hạng I) năm 2023,  
Hội đồng thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I) do Bộ GDĐT tổ chức  
(sau đây viết tắt là Hội đồng thi) thông báo một số nội dung như sau:

**1. Danh sách viên chức dự thi**

Hội đồng thi triệu tập viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thăng hạng  
CDNN giảng viên cao cấp (hạng I) năm 2023 do Bộ GDĐT tổ chức.

**2. Hình thức và nội dung thi**

Viên chức dự thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I) phải dự thi  
đủ các môn thi sau:

**2.1. Môn Kiến thức chung**

a) Nội dung thi: 60 câu hỏi về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách  
pháp luật về ngành, lĩnh vực sự nghiệp, pháp luật về viên chức theo yêu cầu của  
CDNN giảng viên cao cấp (hạng I).

b) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

c) Thời gian thi: 60 phút.

**2.2. Môn Ngoại ngữ**

a) Nội dung thi: 30 câu hỏi về tiếng Anh theo yêu cầu của CDNN giảng viên  
cao cấp (hạng I).

b) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

<sup>1</sup> Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý  
viên chức.

<sup>2</sup> Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 của Bộ GDĐT quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh  
nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.

<sup>3</sup> Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển,  
xét tuyển công chức, thi hoặc xét thăng hạng CDNN viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên  
chức, thi nâng ngạch công chức; thi hoặc xét thăng hạng CDNN viên chức.

c) Thời gian thi: 30 phút.

### **2.3. Môn Nghiệp vụ chuyên ngành**

Thi viết đề án, thời gian 08 tiếng và thi bảo vệ đề án, thời gian tối đa 30 phút/1 người để kiểm tra và đánh giá trình độ, năng lực, đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn gắn với tiêu chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của CDNN giảng viên cao cấp (hạng I).

### **3. Địa điểm, khai mạc kỳ thi và tổ chức thi**

**3.1. Địa điểm:** Trường Đại học Hà Nội, Km 9, đường Nguyễn Trãi, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

#### **3.2. Khai mạc kỳ thi:**

**Sáng thứ Năm, ngày 11/05/2023:**

+ Từ 07h00-08h30: Đón tiếp ứng viên dự thi.

+ Từ 08h30-11h30: Khai mạc kỳ thi và phổ biến các nội dung liên quan đến kỳ thi; Ứng viên kiểm tra các thông tin cá nhân tại các điểm thi.

#### **3.3. Tổ chức thi:**

- **Chiều thứ Năm, ngày 11/05/2023**, từ (13h00 - 17h30): Thi Bài thi Kiến thức chung, thời gian 60 phút/1 ca thi; Thi Bài thi tiếng Anh, thời gian 30 phút/1 ca thi.

- **Thứ Sáu, ngày 12/05/2023**, từ (07h30 - 17h00): Thi Bài thi Nghiệp vụ chuyên ngành (viết đề án), thời gian 8 tiếng.

- **Thứ Bảy, ngày 13/05/2023:** Bảo vệ đề án, thời gian 30 phút/1 người.

### **4. Các quy định khác**

**4.1. Lệ phí dự thi:** 1.300.000đ/1 người (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*) quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

Hội đồng thi thu lệ phí vào ngày đón tiếp ứng viên đến dự thi tại điểm thi.

**4.2. Đề án của viên chức dự thi:** Thí sinh chuẩn bị theo mẫu gửi kèm công văn và nộp 2 bộ về Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục **trước ngày 15/04/2023** theo địa chỉ: Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Bộ GDĐT, số 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội; điện thoại: 024.3869.5144 (133).

**4.3. Đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ sở giáo dục đại học công lập và trường cao đẳng sư phạm trực thuộc Bộ GDĐT có viên chức dự thi rà soát về tiêu chuẩn, điều kiện viên chức đăng ký dự thi tính đến hết ngày 15/04/2023 đúng quy định, đồng thời đối chiếu lại các thông tin khác trong danh sách dự thi gửi kèm công văn này.**

Trường hợp phát hiện viên chức không đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi giảng viên cao cấp (hạng I) hoặc có thay đổi về đăng ký môn thi ngoại ngữ hoặc miễn thi môn ngoại ngữ và các thông tin khác của viên chức dự thi thì phải có văn bản đính chính gửi về Hội đồng thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I) của Bộ

GDDT để xem xét. Sau khi tổ chức kỳ thi nếu phát hiện viên chức không đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi giảng viên cao cấp (hạng I) thì Hội đồng thi không công nhận kết quả kỳ thi.

Văn bản của Quý Cơ quan (nếu có) gửi trực tiếp qua chuyển phát nhanh về Hội đồng thi theo địa chỉ: Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, số 35, Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Sau ngày 15/04/2023, Hội đồng thi sẽ không tiếp nhận, xử lý bất cứ trường hợp nào thay đổi về đăng ký môn thi ngoại ngữ hoặc miễn thi môn ngoại ngữ và các thông tin khác của viên chức dự thi.

**4.4.** Hội đồng thi gửi kèm công văn này (1) Danh mục tài liệu dùng cho việc xây dựng ngân hàng câu hỏi và đáp án dùng trong các kỳ thi thăng hạng CDNN viên chức ban hành kèm theo Quyết định số 1090/QĐ-HĐXDNNH ngày 05/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng xây dựng ngân hàng câu hỏi và đáp án của Bộ Nội vụ; (2) Danh mục tài liệu tham khảo phục vụ kỳ thi thăng hạng CDNN giảng viên/giảng viên CĐSP năm 2023; (3) Mẫu Đề án của ứng viên dự thi.

**4.5.** Đối với viên chức dự thi:

- Trong thời gian dự thi, viên chức dự thi tự sắp xếp kế hoạch cá nhân và liên hệ chỗ ăn, nghỉ.

- Viên chức đi thi phải mang theo căn cước công dân; các giấy tờ có liên quan để kiểm tra trước khi vào phòng thi.

Hội đồng thi trân trọng thông báo để Quý Cơ quan, đơn vị hướng dẫn và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho viên chức tham dự kỳ thi. Đề nghị Quý Cơ quan thông báo đầy đủ nội dung công văn này đến từng viên chức dự thi để chủ động thực hiện.

*Thông tin chi tiết về kỳ thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I) đề nghị liên hệ về Hội đồng thi theo số điện thoại: 024.3869.5144(133)/ 0989.794.879; email: [ptsbang@moet.gov.vn](mailto:ptsbang@moet.gov.vn).*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Thanh tra Bộ GDĐT;
- Thành viên Hội đồng thi;
- Trường ĐH Hà Nội (để t/hiện);
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, NGCBQLGD, HĐTTH.

**TM. HỘI ĐỒNG THI  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



*Phạm Ngọc Thuởng*

**Phạm Ngọc Thuởng  
THỨ TRƯỞNG  
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**Danh sách các đơn vị gửi công văn triệu tập ứng viên dự thi**

<b>STT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Đại học Bách khoa Hà Nội	
2	Đại học Đà Nẵng	
3	Trường ĐH Tây Nguyên	
4	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	
5	Trường ĐH Đồng Tháp	
6	Trường ĐH Quy Nhơn	
7	Đại học Thái Nguyên	
8	Trường ĐHSP Hà Nội	
9	Đại học Huế	
10	Trường ĐH Mỏ - Địa chất	
11	Trường ĐHSP TP.HCM	
12	Trường ĐH GTVT	
13	Trường ĐH Tây Bắc	
14	Trường ĐH Nha Trang	
15	Bộ NNPTNT	
16	Bộ Y tế	
17	Ngân hàng NNVN	
18	Tỉnh Thanh Hóa	
19	Thành phố Hà Nội	
20	Tỉnh Phú Thọ	
21	Bộ Công thương	
22	Tỉnh Bạc Liêu	
23	Bộ Tài chính	
	<b>Tổng cộng: 23 đơn vị</b>	

Trang bìa:

Tên Bộ/ngành/địa phương: .....

Trường .....

## ĐỀ ÁN

.....

(Khối ngành:.....)

**Kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp  
giảng viên cao cấp (hạng I)/giảng viên CĐSP cao cấp (hạng I)  
Năm 2023**

Họ và tên (chữ in hoa):

Ngày tháng năm sinh:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

....., tháng .... năm 2023

## PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1.1. Lý do xây dựng đề án:

1.2. Căn cứ xây dựng đề án:

1.2.1. Căn cứ khoa học

1.2.2. Căn cứ tình hình thực tiễn

## PHẦN 2. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

2.1. Mục tiêu đề án

2.2. Yêu cầu đối với Đề án

2.3. Nhiệm vụ của đề án

2.4. Giải pháp thực hiện

## PHẦN 3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ ĐỀ ÁN

3.1. Tổ chức thực hiện

3.1.1. Thành lập Ban đề án

3.1.2. Phân công nhiệm vụ và phối hợp hoạt động

3.1.3. Tiến độ thực hiện nhiệm vụ đề án

3.1.4. Kinh phí thực hiện

3.2. Đánh giá đề án

## PHẦN 4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Kết luận về tính khả thi và tính hữu ích của đề án

4.2. Kiến nghị về những điều kiện đảm bảo và phương thức thực hiện đề án

### Lưu ý: MỘT SỐ YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG, KỸ THUẬT TRÌNH BÀY

#### 1. Khở giấy, kiểu trình bày, định lề trang văn bản

- Khở giấy và kiểu trình bày: Đề án được trình bày theo chiều dài của trang giấy khổ A4 (định hướng bản in theo chiều dài).

- Định lề trang văn bản: Lề trên cách mép trên 20 mm; Lề dưới cách mép dưới 20 mm; Lề trái cách mép trái 30 mm; Lề phải cách mép phải 20 mm.

#### 2. Phong chữ

Phông chữ sử dụng trình bày văn bản trên máy vi tính là phông chữ tiếng Việt *Times New Roman* của bộ mã ký tự Unicode

#### 3. Số trang: Giới hạn số trang của Đề án thi GVCC từ 15 đến 20 trang A4.

#### 4. Yêu cầu về trình bày:

- Phần nội dung được trình bày bằng chữ in thường (được dàn đều cả hai lề), kiểu chữ đứng; cỡ chữ 14; Số trang đánh ở giữa phía cuối mỗi trang giấy A4.

- Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong tài liệu và có trình bày đầy đủ ban đầu.

- Ứng viên trình bày Đề án và trả lời các câu hỏi của Hội đồng chuyên môn (thời gian tối đa 30 phút/người, bao gồm cả thời gian thuyết trình và phỏng vấn).

- Đề án được đóng quyển, có bìa bên ngoài theo mẫu đính kèm (ứng viên chuẩn bị 02 bộ để nộp Hội đồng thi và chuẩn bị báo cáo tóm tắt để trình bày).

-----

Số: 1090 /QĐ-HĐXDNH

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục tài liệu dùng cho việc xây dựng  
ngân hàng câu hỏi và đáp án

### BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-BNV ngày 20/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Kế hoạch xây dựng ngân hàng câu hỏi và đáp án sử dụng trong các kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 92/QĐ-BNV ngày 03/02/2021 và Quyết định số 926/QĐ-BNV ngày 09/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc thành lập Hội đồng xây dựng ngân hàng câu hỏi và đáp án sử dụng trong các kỳ thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng viên chức;

Xét đề nghị của Thư ký Hội đồng.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Danh mục tài liệu sử dụng cho việc xây dựng ngân hàng câu hỏi và đáp án sử dụng trong các kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Hội đồng xây dựng ngân hàng câu hỏi và đáp án, các Ban xây

dụng, Ban thẩm định, Ban thư ký và các đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng ngân hàng câu hỏi và đáp án của Bộ Nội vụ có trách nhiệm thi hành quyết định này.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CCVC;

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ  
Trương Hải Long**

BỘ NỘI VỤ  
HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG NGÂN  
HÀNG CÂU HỎI VÀ ĐÁP ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày      tháng      năm 2021



## DANH MỤC

Tài liệu dùng cho việc xây dựng ngân hàng câu hỏi và đáp án  
để tổ chức các kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức  
(Ban hành theo Quyết định số 1090 /QĐ-HĐXDNNH ngày 05 tháng 10 năm 2021  
của Chủ tịch Hội đồng xây dựng ngân hàng câu hỏi và đáp án)

## I. MÔN KIẾN THỨC CHUNG VÀ PHÂN CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH

### 1. Danh mục tài liệu pháp luật về viên chức

- Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XIII thông qua tại Kỳ họp thứ 6 ngày 28/11/2013 (Hiến pháp năm 2013)
- Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức, viên chức năm 2019 (phần về viên chức).
- Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.
- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.
- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, 2021 và Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội 2021- 2030.
- Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư (Khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng.
- Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị (khóa XI) về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ngày 27/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 20/7/2017 của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đầy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa XII về Cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

- Quy định số 105-QĐ/TW ngày 19/12/2017 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Quy định số 89-QĐ/TW ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

- Quy định số 205-QĐ/TW ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

- Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

- Nghị quyết số 76/NQ-CP Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030

- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ Quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

- Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án văn hóa công vụ.

- Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 – 2025.

- Tài liệu bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp viên chức.

## **2. Danh mục về tài liệu pháp luật chuyên ngành theo từng ngành, lĩnh vực**

### **2.1 Chuyên ngành lưu trữ**

- Luật lưu trữ năm 2011;  
- Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lưu trữ.

### **2.2 Chuyên ngành Văn hoá, thể thao và du lịch**

- Luật Thể dục, thể thao năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;

- Luật Du lịch năm 2017;

- Nghị quyết Trung ương V khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”;

- Thông báo Kết luận số 30-KL/TW ngày 20/7/2004 tại Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”;

- Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới;

- Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020;

- Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/1/2017 về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

- Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới;

- Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 18/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về du lịch giai đoạn 2013-2020;

- Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 04/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý môi trường du lịch, đảm bảo an ninh an toàn cho khách du lịch;

- Quyết định số 3455/QĐ-BVHTTDL ngày 20/10/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt “Chiến lược marketing du lịch đến năm 2020”;

- Quyết định số 2714/QĐ-BVHTTDL ngày 03/8/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt Đề án Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2522/QĐ-BVHTTDL ngày 13/7/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thương hiệu du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

### **2.3. Chuyên ngành Giáo dục**

- Luật Giáo dục năm 2019;

- Luật Giáo dục đại học năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học năm 2018;

- Luật giáo dục Quốc phòng và an ninh năm 2013;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

- Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

- Quyết định số 711/2012/QĐ-TTg ngày 13/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020”;

- Quyết định số 1373/2021/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030".

#### **2.4. Chuyên ngành Y tế**

- Luật Khám chữa bệnh năm 2009;

- Luật Bảo hiểm y tế năm 2008; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế năm 2014;

- Luật Dược năm 2016;

- Luật An toàn thực phẩm 2010;

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 04-NQ/HNTW ngày 14/01/1993 của Hội nghị lần thứ tư BCHTW Đảng (khóa VII) về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân;

- Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 22/01/2002 của Ban Bí thư về củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở;

- Kết luận số 43-KL/TW ngày 01/4/2009 của Ban Bí thư về 3 năm thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 23/02/2005 của Bộ Chính trị (Khóa IX) về “Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới” và 5 năm thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Ban Bí thư về “Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở”;

- Quyết định số 255/2006/QĐ-TTg ngày 09/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Quốc gia y tế dự phòng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

- Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược Quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 1246/QĐ-TTg ngày 14/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược Quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030.

## **2.5. Chuyên ngành thông tin và truyền thông**

- Luật Giao dịch điện tử năm 2005.
- Luật Công nghệ thông tin 2006;
- Luật báo chí năm 2016;
- Luật An ninh mạng năm 2018;
- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Nghị quyết số 26/NQ-CP của Chính phủ : Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 16/1/2012, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;
- Thông báo kết luận số 53-TB/TW ngày 30/3/2019 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI về “Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020”;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;
- Quyết định số 1497/QĐ-TTg ngày 08/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thông tin quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

## **2.6 Chuyên ngành lao động xã hội; giáo dục nghề nghiệp**

- Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014;
- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp;
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công

nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế";

- Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

- Quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 22/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển công tác xã hội giai đoạn 2021-2030;

- Nghị quyết số 617-NQ/BCSĐ ngày 28/12/2018 của Ban Cán sự đảng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2021 và định hướng đến năm 2030.

### **2.7 Chuyên ngành tư pháp**

- Luật trợ giúp pháp lý năm 2017;

- Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trợ giúp pháp lý.

### **2.8. Chuyên ngành khoa học và công nghệ**

- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

- Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-VPQG ngày 25/6/2019 của Văn phòng Quốc hội về Luật Sở hữu trí tuệ;

- Luật Công nghệ cao năm 2008;

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/1/2016 của Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế;

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/1/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ

- Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

- Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

### **2.9. Chuyên ngành tài nguyên và môi trường**

- Luật Khoáng sản năm 2010;

- Luật tài nguyên nước năm 2012;
- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật Khí tượng thủy văn năm 2015;
- Luật Tài nguyên, môi trường biển và Hải đảo năm 2015;
- Luật đo đạc bản đồ năm 2018.

## **II. MÔN NGOẠI NGỮ**

Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

## **III. MÔN TIN HỌC**

Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO PHỤC VỤ KỲ THI THĂNG HẠNG  
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁNG VIÊN/GIÁNG VIÊN CĐSP  
NĂM 2023**

Stt	Tên văn bản	Ghi chú
1.	Hiến pháp Việt Nam năm 2013	
2.	Luật Viên chức năm 2010	
3.	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức, viên chức năm 2019 (phần về viên chức)	
4.	Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019	
5.	Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012	
6.	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018	
7.	Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018	
8.	Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế	
9.	Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 01/02/2021	
10.	Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế	
11.	Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ngày 27/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập	
12.	Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục	
13.	Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học	
14.	Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức	
15.	Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức	

Stt	Tên văn bản	Ghi chú
16.	Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	
17.	Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	
18.	Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	
19.	Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
20.	Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập	
21.	Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập	
22.	Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học	
23.	Thông tư số 36/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc của giảng viên trường cao đẳng sư phạm	
24.	Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đạo đức nhà giáo	
25.	Quyết định số 1078/QĐ-BGDĐT ngày 20/4/2022 ban hành Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên CDSP	
26.	Quyết định số 1079/QĐ-BGDĐT ngày 20/4/2022 ban hành Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học	